



QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt 4/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp **09 (Chín)** bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không, **09 (Chín)** bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không, **11 (Mười một)** bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay, **07 (Bảy)** bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu, **02 (Hai)** bằng kỹ sư thực hành Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt 4/2022 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

-Như điều 2;

-Lưu VT


TS. Nguyễn Thanh Dũng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT 4/2022

(Đính kèm quyết định số: 809 /QĐ-HVHKVN ngày 05 tháng 10 năm 2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1813120008	Đoàn Hoàng Thiên	Kim	13/02/2000	18CĐĐV01	2.43	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CT
2	1913120010	Hồ Thanh	Du	14/09/2000	19CĐĐV01	2.27	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CT
3	1711150002	Bùi Quang	Hung	13/09/1999	17CĐTM01	2.79	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
4	1711150040	Phạm Thị Thu	Thảo	25/04/1999	17CĐTM01	2.56	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
5	1811150045	Đỗ Thị	Mai	19/03/2000	18CĐTM01	2.93	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
6	1811150015	Lê Đặng Hồng	Ngọc	13/09/2000	18CĐTM01	2.51	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
7	1811150027	Đỗ Như	Yến	04/04/2000	18CĐTM01	2.58	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
8	1811150071	Nguyễn Đức	Vương	28/08/2000	18CĐTM02	2.68	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
9	1811150131	Nguyễn Phúc	Đức	21/08/2000	18CĐTM03	2.14	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
10	1911150005	Phan Thị Yến	Nhi	05/06/2001	19CĐTM01	2.56	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
11	1911150078	Phạm Nguyễn Phương	Ánh	18/08/2001	19CĐTM02	3.06	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
12	1811210025	Lê Quốc	Huy	02/03/1998	18CĐKL01	2.31	Trung bình	Kiểm soát không lưu
13	1811210014	Dương Mai	Trang	18/03/2000	18CĐKL01	2.68	Khá	Kiểm soát không lưu
14	1911210005	Từ Tú	Hào	04/04/2000	19CĐKL01	3.31	Giỏi	Kiểm soát không lưu
15	1911210017	Đỗ Thanh	Hiếu	14/07/1994	19CĐKL01	3.27	Giỏi	Kiểm soát không lưu



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
16	1911210033	Hồ Minh	Phúc	17/07/2001	19CDBKL01	2.77	Khá	Kiểm soát không lưu
17	1911210031	Đặng Thị	Thanh	18/01/2001	19CDBKL01	3.28	Giỏi	Kiểm soát không lưu
18	1911210041	Nguyễn Cát	Tường	14/12/2001	19CDBKL01	3.05	Khá	Kiểm soát không lưu
19	1711010029	Nguyễn Hữu	Đức	21/07/1996	17CBAN01	2.48	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
20	1711010014	Lê Thanh	Phi	29/10/1994	17CBAN01	2.82	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
21	1811010031	Nguyễn Hồng	Anh	26/12/2000	18CBAN01	2.47	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
22	1811010040	Nguyễn Thị Kim	Kiều	27/02/2000	18CBAN01	2.38	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
23	1811010007	Nguyễn Trang	Linh	25/09/2000	18CBAN01	2.18	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
24	1811010021	Nguyễn Hoàng	Nam	12/03/2000	18CBAN01	2.43	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
25	1911010001	Huyền Trần Tuyết	Hoa	29/10/2001	19CBAN01	2.67	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
26	1911010026	Nguyễn Ngọc	Trinh	23/03/2001	19CBAN01	3.06	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
27	1911010033	Nguyễn Thành	Vinh	02/06/2001	19CBAN01	2.61	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
28	1811020024	Lương Văn	Dân	12/11/2000	18CDBCK01	2.02	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
29	1811020027	Vương Đài	Lương	06/01/2000	18CDBCK01	2.12	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
30	1811020035	Lâm Văn	Phát	01/10/2000	18CDBCK01	2.03	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
31	1811020026	Nguyễn Chí	Tâm	10/08/1999	18CDBCK01	2.15	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
32	1910000001	Hứa Tấn	Đạt	09/06/2001	19CDBCK01	2.62	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
33	1910000011	Hà Đức	Long	20/04/2000	19CDBCK01	2.46	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
34	1910000052	Hoàng Văn	Minh	11/08/2001	19CDBCK01	2.71	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
35	1910000023	Nguyễn Phú	Quốc	25/07/2001	19CDBCK01	2.32	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
36	1910000003	Phạm Mạnh	Rừng	20/06/1998	19CĐCK01	2.67	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
37	1910000008	Huỳnh Bách	Thông	15/09/1999	19CĐCK01	2.63	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
38	1910000051	Nguyễn Thanh	Thuận	14/12/2001	19CĐCK01	2.84	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay

Tổng cộng danh sách này có **38** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

4

